

Bản án số: 686/2022/DS-PT

Ngày: 23/11/2022

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Mai Thị Mỹ Tiên**

Các Thẩm phán: 1. Bà **Lê Thị Anh Minh**

2. Ông **Lại Huỳnh Tú**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Trần Võ Quỳnh Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tố Uyên**- Kiểm sát viên.

Trong ngày 23/11/2022, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Thành phố H, đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 386/2022/TLPT-DS ngày 19/10/2022, về việc: “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 131/2022/DS-ST ngày 17/8/2022 của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố H bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5458/2022/QĐ-PT ngày 01/11/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng S**

Địa chỉ trụ sở: 266-268 đường N, Phường V, Quận B, Thành phố H;

Đại diện theo ủy quyền:

1. Ông P, sinh năm 1994 (có mặt).

Địa chỉ: Lầu 8, 266-268 đường N, Phường V, Quận B, Thành phố H (Quyết định ủy quyền số 211/2021/UQ-TTT ngày 19/3/2021 của Ngân hàng S)

2. Ông L, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: Lầu 5- 278 đường N, Phường V, Quận B, Thành phố H (Giấy ủy quyền số 184/2022/UQ-TGD ngày 21/11/2022)

Bị đơn: Bà T, sinh năm 1961

Địa chỉ: 207/2 đường Q, Phường B, Quận E, Thành phố H (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 19/3/2021 và lời khai của đại diện nguyên đơn rong quá trình tố tụng, thể hiện:

Ngày 25/5/2007, Ngân hàng S và bà T ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng quốc tế, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng (gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà T, Ngân hàng S đã cấp thẻ với hạn mức tín dụng là 30.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Phí và lệ phí được tính theo Biểu phí phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế và có thẻ thay đổi mà không thông báo trước cho khách hàng.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà T đã giao dịch với tổng số tiền là 37.700.000 đồng, đã thanh toán cho Ngân hàng S số tiền 27.210.010 đồng; lần thanh toán cuối cùng là ngày 31/8/2008 với số tiền là 15.000.000 đồng. Phần nợ còn lại bà T không thanh toán cho Ngân hàng S như đã cam kết. Nên nguyên đơn khởi kiện, yêu cầu:

1. Bà T thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 05/02/2021 là 370.129.471 đồng gồm nợ gốc: 82.830.643 đồng; lãi quá hạn: 287.298.828 đồng;
2. Bà T phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 06/02/2021 cho đến khi trả dứt nợ, theo lãi suất quy định trong hợp đồng.

Theo trình bày của bị đơn- bà T:

Bà T thống nhất với lời trình bày của phía nguyên đơn về Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng quốc tế ngày 25/5/2007 và số nợ. Nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn nên bà T không tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng.

Đồng thời bà T có đơn yêu cầu Tòa án xem xét áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng quốc tế, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 25/5/2007 về việc tính lãi quá hạn mà Ngân hàng đã áp dụng, vì theo bà, lãi quá hạn đã quá thời hiệu khởi kiện theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 131/2022/DS-ST ngày 17/8/2022 của Tòa án nhân dân Quận E, Thành phố H đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng S:

Buộc bà T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng S tổng số tiền nợ gốc là 82.830.643 đồng (tám mươi hai triệu tám trăm ba mươi nghìn sáu trăm bốn mươi ba đồng). Thanh toán một lần sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Đình chỉ xem xét giải quyết yêu cầu của Ngân hàng S buộc bà T phải thanh toán lãi quá hạn.

Kể từ ngày 18/8/2022 cho đến khi thanh toán xong, bà T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự cũng như các quy định về thi hành án dân sự.

Ngày 24/8/2022, nguyên đơn kháng cáo đề nghị:

- Hủy một phần bản án sơ thẩm về phần tiền lãi quá hạn bị đình chỉ.

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán toàn bộ tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 17/08/2022 là 327.740.994 đồng và lãi phát sinh từ ngày 18/08/2022 trên số dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận theo hợp đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Bị đơn đề nghị y án sơ thẩm.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và các thành viên Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Nhận thấy nguyên đơn đã thực hiện việc nộp đơn kháng cáo trong thời hạn luật định.

Xét bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ năm 2008, nhưng đến năm 2021 nguyên đơn mới khởi kiện là đã quá thời hiệu khởi kiện, theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự và điểm b Khoản 3 Điều 23 của Nghị quyết 03/2012/NQ-HĐTP ngày 12/03/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn về tiền gốc là hoàn toàn đúng quy định.

Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm; Án phí dân sự phúc thẩm đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa của các đương sự, ý kiến phát biểu của vị Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền vay và tiền lãi, bị đơn cư trú tại Quận E, nên Tòa án nhân dân Quận E thụ lý giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm là đúng thẩm quyền và xác định quan hệ tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản là đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của nguyên đơn thực hiện trong thời hạn luật định, nên được xem xét.

[2] Về tố tụng: Căn cứ các Giấy ủy quyền, xét việc ủy quyền của nguyên đơn là hợp lệ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Ngân hàng yêu cầu bà T thanh toán cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 17/8/2022 gồm nợ gốc: 82.830.643 đồng; lãi quá hạn: 327.740.994 đồng; đồng thời buộc bà T tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 18/8/2022 cho đến khi trả dứt nợ theo lãi suất quy định trong hợp đồng.

[3.1.1] Xét bà T đã ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng quốc tế với Ngân hàng và đã thực hiện giao dịch từ Thẻ tín dụng số tiền 37.700.000 đồng, nhưng bà T chỉ thanh toán được số tiền 27.210.010 đồng thì ngưng không thanh toán nữa là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo các Điều 2, 7 của Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng quốc tế nêu trên.

Căn cứ vào Điều 164 Bộ luật Dân sự 2005; điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số nợ gốc 82.830.643 đồng là hoàn toàn đúng.

[3.1.2] Đối với yêu cầu lãi quá hạn:

Do bị đơn có đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với phần lãi quá hạn mà Ngân hàng yêu cầu, Tòa án cấp sơ thẩm đã có xem xét về thời hiệu khởi kiện là đúng quy định tại Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét bị đơn thanh toán lần cuối cùng cho Ngân hàng vào ngày 31/8/2008, Ngày 21/4/2009, Ngân hàng nộp đơn khởi kiện bà T tại Tòa án nhân dân Quận 11. Ngày 17/3/2010, Tòa án nhân dân Quận E đã ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 45/2010/QĐST-DS do nguyên đơn không cung cấp chính xác nơi cư trú của bị đơn. Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự đã có hiệu lực pháp luật do không có kháng cáo, kháng nghị.

Theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015, thì Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Đến ngày 19/3/2021, Ngân hàng mới khởi kiện lại là đã quá thời hiệu khởi kiện.

Do đó việc Hội đồng xét xử sơ thẩm đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn đối yêu cầu tính lãi vì thời hiệu khởi kiện đã hết là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết 03/2012/NQ-HĐTP ngày 12/03/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định quy định đối với yêu cầu thanh toán tiền gốc thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 82.830.643 đồng là có căn cứ.

Kể từ ngày 18/8/2022 cho đến khi thanh toán xong, bà T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Xét tại phần quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên buộc *“Thanh toán một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật”* là vi phạm Điều 6 và 45 của Luật Thi hành án dân sự, về sự tự nguyện thỏa thuận thi hành án của đương sự, cần rút kinh nghiệm.

Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn- Ngân hàng S, giữ y bản án sơ thẩm.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn- bà T phải chịu theo quy định.

Hoàn lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5]. Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên người kháng cáo là nguyên đơn phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 148; Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 4 Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị quyết số 103/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm b Khoản 3 Điều 23 Nghị quyết 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2014;

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn;

Giữ y Bản án dân sự sơ thẩm số 131/2022/DS-ST ngày 17/8/2022 của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố H:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn- Ngân hàng S;

Buộc bị đơn- bà T thanh toán cho Ngân hàng S tổng số tiền nợ gốc là 82.830.643 đồng (Tám mươi hai triệu, tám trăm ba mươi nghìn, sáu trăm bốn mươi ba) đồng.

Kể từ ngày 18/8/2022 cho đến khi thanh toán xong, bà T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán tiền lãi quá hạn.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn- bà T phải chịu 4.141.532 (Bốn triệu, một trăm bốn mươi một nghìn, năm trăm ba mươi hai) đồng.

Hoàn lại cho nguyên đơn- Ngân hàng S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.253.237 (Chín triệu, hai trăm năm mươi ba nghìn, hai trăm ba mươi bảy) đồng, theo Biên lai thu số AA/2019/0052857 ngày 15/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận E, Thành phố H.

4. Án phí dân sự phúc thẩm:

Nguyên đơn phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số AA/2021/0020326 ngày 29/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận E, nguyên đơn đã nộp xong.

Các đương sự thi hành án theo các Điều 2, 6, 7, 7a, 7b, 9 và 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

Lê Thị Anh Minh

Lại Huỳnh Tú

Mai Thị Mỹ Tiên

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Cục THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Mỹ Tiên